

UBND PHƯỜNG TÂY HOA LƯ

DANH SÁCH
VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND phường Tây Hoa Lư)

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
A	Thăng hạng từ hạng II lên hạng I																
I	Viên chức quản lý																
1	Trần Thị Hiến	02/02/1986	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Gia Sinh	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	13 năm 9 tháng	6	3,99	01/01/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTTNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
2	Lê Đỗ Mười	31/10/1983	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Sơn Hà	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	10 năm	7	4,32	01/04/2026	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B1	2021-2022: HTTNV 2022-2023:HTTNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
3	Đình Văn Tước	12/04/1976	Nam	Hiệu trưởng	Trường THCS Gia Sinh	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	16 năm 5 tháng	5	5,36	01/06/2025	Đại học, SP Toán	giáo viên THCS hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
4	Trịnh Phong Quang	25/07/1973	Nam	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Phúc Sơn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	16 năm 2 tháng	5	5,36	01/01/2026	Đại học, SP Toán	giáo viên THCS hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTTNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
II	Viên chức không giữ chức vụ quản lý																
1	Nguyễn Thị Hằng	09/05/1990	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Trường Yên	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	11 năm 1 tháng	5	3,66	01/05/2026	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
2	Trần Thị Mỹ Ngọc	09/09/1974	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Trường Yên	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	16 năm	7	4,32	01/01/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	A2	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTTNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
3	Trịnh Thị Hoa	02/09/1984	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Trường Yên	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	9 năm 10 tháng	6	3,99	01/03/2026	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	A2	2021-2022: HTTNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
4	Điền Thị Vui	23/12/1971	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Ninh Hoà	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	9 năm 10 tháng	7	4,32	01/02/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	A	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTTNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
5	Nguyễn Thị Thuý Mai	14/11/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Ninh Hoà	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	9 năm 10 tháng	8	4,65	01/02/2026	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	A	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
6	Nguyễn Thị An	04/02/1980	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Ninh Hoà	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	9 năm 10 tháng	7	4,32	01/07/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	A	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
7	Hoàng Thị Mai Thoa	11/05/1982	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Ninh Hoà	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	9 năm 10 tháng	5	3,66	01/10/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	A	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTTNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
8	Nguyễn Thị Minh Hoà	14/12/1978	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Ninh Hoà	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	9 năm 10 tháng	8	4,65	26/02/2026	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	A	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
9	Nguyễn Thị Bích Hồng	03/10/1984	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Ninh Hoà	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	9 năm 10 tháng	6	3,99	01/10/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	A	2021-2022: HTTNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
10	Trần Thị Minh Thu	23/03/1985	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Ninh Hoà	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	9 năm 10 tháng	5	3,66	01/06/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	A	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
11	Bùi Thị Huyền	17/04/1981	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Ninh Hoà	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	9 năm 10 tháng	6	3,99	01/01/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	A	2021-2022: HTTNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
12	Nguyễn Thị Nhuận	20/06/1977	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Ninh Hoà	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	9 năm 10 tháng	7	4,32	01/04/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	A	2021-2022: HTTNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
13	Lê Thị Bốn	11/06/1989	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Ninh Hoà	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	9 năm 10 tháng	5	3,66	01/01/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
14	Nguyễn Thị Thuý Luyên	17/12/197	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Ninh Hoà	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	9 năm 10 tháng	6	3,99	01/12/2023	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	A	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
15	Nguyễn Thị Bút	29/08/1973	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Ninh Hoà	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	9 năm 10 tháng	6	3,99	01/06/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	A	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
16	Nguyễn Thị Ngọc	08/09/1972	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Ninh Hoà	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	9 năm 10 tháng	6	3,99	01/11/2023	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	A	2021-2022: HTTNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
17	Tổng Thị Thanh Mỹ	15/10/1979	Nữ	Giáo viên	Trường mầm non Ninh Giang	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	13 năm 11 tháng	7	4,32	01/12/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
18	Tổng Thị Yến	25/10/1973	Nữ	Giáo viên	Trường mầm non Ninh Giang	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	16 năm	6	3,99	01/05/2023	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
19	Tổng Thị Nư	20/01/1979	Nữ	Giáo viên	Trường mầm non Ninh Giang	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	13 năm 11 tháng	7	4,32	01/12/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B1	2021-2022: HTTNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
20	Vũ Thị Tuyền	20/07/1983	Nữ	Giáo viên	Trường mầm non Ninh Giang	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	10 năm 7 tháng	6	3,99	01/01/2026	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B1	2021-2022: HTTNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
21	Trần Thị Yến	25/11/1984	Nữ	Giáo viên	Trường mầm non Gia Sinh	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	14 năm 5 tháng	6	3,99	01/01/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
22	Lê Thị Hồng Hiếu	05/04/1980	Nữ	Giáo viên	Trường mầm non Gia Sinh	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	14 năm 5 tháng	7	4,32	01/10/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
23	Trần Thị Kim Vinh	24/05/1982	Nữ	Giáo viên	Trường mầm non Gia Sinh	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	13 năm 10 tháng	5	3,66	01/10/2023	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
24	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	01/02/1981	Nữ	Giáo viên	Trường mầm non Gia Sinh	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	15 năm 5 tháng	6	3,99	01/01/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
25	Đinh Thị Hồng Giang	11/11/1983	Nữ	Giáo viên	Trường mầm non Gia Sinh	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	14 năm 4 tháng	7	4,32	01/11/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
26	Nguyễn Thị Tuyết	09/05/1987	Nữ	Giáo viên	Trường mầm non Gia Sinh	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	12 năm 6 tháng	5	3,66	01/12/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
27	Lê Thị Thu	08/01/1982	Nữ	Giáo viên	Trường mầm non Gia Sinh	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	12 năm 6 tháng	5	3,66	01/06/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
28	Trần Thị Bích Đào	27/09/1982	Nữ	Giáo viên	Trường mầm non Gia Sinh	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	14 năm 5 tháng	6	3,99	01/04/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
29	Phạm Thị Loan	28/08/1989	Nữ	Giáo viên	Trường mầm non Gia Sinh	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	12 năm 6 tháng	5	3,66	01/06/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B'	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
30	Nguyễn Thị Thu Huyền	06/11/1986	Nữ	Giáo viên	Trường mầm non Gia Sinh	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	12 năm 6 tháng	5	3,66	01/12/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
31	Đỗ Thị Thanh	18/08/1986	Nữ	Giáo viên	Trường mầm non Gia Sinh	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	13 năm 2 tháng	5	3,66	01/02/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
32	Nguyễn Thị Oanh	12/09/1983	Nữ	Giáo viên	Trường mầm non Gia Sinh	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	14 năm 5 tháng	7	4,32	01/12/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
33	Trương Thị Kim Dung	09/06/1990	Nữ	Giáo viên	Trường mầm non Gia Sinh	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	12 năm 6 tháng	5	3,66	01/06/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
34	Hứa Thị Hoa	27/03/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Lai	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	10 năm	7	4,32	01/11/2023	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTTNV 2022-2023: HTTNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
35	Đinh Thị Thanh Liên	08/01/1986	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Lai	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	16 năm 9 tháng	6	3,99	01/10/2023	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B1	2021-2022: HTTNV 2022-2023:HTTNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
36	Trương Thị Dung	13/08/1981	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Lai	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	15 năm 3 tháng	6	3,99	01/08/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTTNV 2022-2023:HTTNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
37	Phạm Thị Thoa	18/12/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Hà	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	10 năm	7	4,32	01/02/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTTNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
38	Nguyễn Thị Tâm	18/12/1983	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Hà	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	10 năm	6	3,99	01/05/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
39	Nguyễn Thị Thu Hiền	31/10/1977	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Hà	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.25	10 năm	7	4,32	01/12/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2021-2022: HTTNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
40	Nguyễn Thị Đảm	07/07/1975	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Trường Yên	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	12 năm	4	5,02	01/07/2023	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
41	Nguyễn Văn Hoán	03/03/1985	Nam	Giáo viên	Trường Tiểu học Trường Yên	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	12 năm	1	4,00	10/07/2023	Đại học, GDTC	giáo viên tiểu học hạng II	B	B2	2021-2022: HTTNV 2022-2023:HTTNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
42	Nguyễn Thị Quyên	07/02/1976	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Trường Yên	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	12 năm	4	5,02	01/11/2024	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
43	Dương Thị Việt Nga	07/02/1974	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Trường Yên	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	12 năm	5	5,36	01/09/2025	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTTNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
44	Nguyễn Thị Nhung	02/01/1991	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Hòa	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	11 năm 7 tháng	1	4,00	01/04/2024	Đại học, SP Tiếng anh	giáo viên tiểu học hạng II	B	C1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
45	Phạm Thị Ngoan	14/05/1987	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Hòa	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	13 năm 7 tháng	2	4,34	01/01/2026	Đại học, CNTT	giáo viên tiểu học hạng II	Đại học	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
46	Hoàng Thị Thanh Luyến	10/12/1974	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Hòa	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	20 năm 10 tháng	4	5,02	01/06/2024	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	A	A	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
47	Lã Thị Xuân Thu	20/01/1974	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Hòa	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	16 năm 2 tháng	4	5,02	01/04/2024	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	A	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
48	Lê Thị Tám	27/12/1971	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Hòa	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	13 năm 1 tháng	5	5,36	10/07/2023	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	A	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
49	Nguyễn Thị Quế	20/10/1972	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Giang	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	17 năm	5	5,36	01/12/2025	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
50	Tổng Phương Hoa	28/04/1973	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Giang	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	21 năm	4	5,02	01/02/2025	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTTNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
51	Huỳnh Ngọc Thúy	16/08/1981	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Giang	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	11 năm	3	4,68	01/08/2023	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTTNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
52	Bùi Thị Ngọc Hoa	17/04/1975	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Giang	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	21 năm	3	4,68	01/12/2023	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
53	Đinh Thị Kim Nhung	11/08/1974	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Giang	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	17 năm	5	5,36	01/08/2025	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
54	Trương Thị Thái Hòa	20/01/1977	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Giang	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	18 năm	3	5,36	01/08/2025	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
55	Nguyễn Thu Hà	26/09/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Gia Sinh	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	14 năm 6 tháng	2	4,34	12/01/2026	Đại học, SP Âm nhạc	giáo viên tiểu học hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
56	Vũ Thị Huyền	14/08/1972	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Gia Sinh	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	20 năm 11 tháng	5	5,36	12/07/2023	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTTNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
57	Trần Thị Hương Lý	18/09/1977	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Gia Sinh	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	21 năm 9 tháng	3	4,68	01/02/2024	Đại học, SP Tiếng anh	giáo viên tiểu học hạng II	B	ĐH	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
58	Nguyễn Thị Linh	01/01/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Lai	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	16 năm 3 tháng	3	4,68	01/04/2026	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B	2021-2022: HTTNV 2022-2023: HTTNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
59	Đinh Thị Nguyệt	01/07/1975	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Hà	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	10 năm 1 tháng	2	4,34	01/06/2024	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTTNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
60	An Văn Hương	01/07/1979	Nam	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Hà	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	16 năm 9 tháng	1	4,00	01/07/2023	Đại học, Sư phạm Tiếng anh	giáo viên tiểu học hạng II	B	B2 - Vstep	2021-2022: HTXSNV 2022-2023:HTTNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
61	Trịnh Văn Diện	14/06/1980	Nam	Giáo viên	Trường THCS Trường Yên	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	16 năm 3 tháng	4	5,02	01/09/2024	ĐHSP Văn	GV THCS Hạng II	B	B1	2025-2026: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2023-2024: HTTNV 2022-2023: HTXSNV 2021-2022: HTXSNV	x
62	Nguyễn Thị Nhâm	07/07/1976	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Trường Yên	Giáo Viên THCS hạng II	V.07.04.31	18 năm 2 tháng	5	5,36	01/10/2025	ĐHSP Tiếng Anh	GV THCS hạng II	B	B2	2025-2026: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2023-2024: HTTNV 2022-2023: HTXSNV 2021-2022: HTXSNV	x
63	Hoàng Thị Thanh Hương	18/11/1977	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Trường Yên	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	16 năm 1 tháng	5	5,36	01/03/2026	ĐHSP Văn	GV THCS hạng II	B	B1	2025-2026: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2023-2024: HTTNV 2022-2023: HTXSNV 2021-2022: HTXSNV	x
64	Nguyễn Thị Khánh Ly	10/02/1985	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Trường Yên	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	12 năm 7 tháng	1	4,00	01/02/2024	ĐHSP GD&CD	GV THCS hạng II	B	A2	2025-2026: HTTNV 2024-2025:HTTNV 2023-2024: HTTNV 2022-2023:HTXSNV 2021-2022: HTXSNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
65	Lê Thị Thanh	30/10/1980	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Trường Yên	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	16 năm 9 tháng	4	5,02	01/03/2026	ĐHSP Sinh học	GV THCS hạng II	B	B1	2025-2026: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2023-2024: HTTNV 2022-2023: HTXSNV 2021-2022: HTXSNV	x
66	Nguyễn Thị Thủy	28/05/1978	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Trường Yên	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	14 năm 1 tháng	4	5,02	01/05/2023	ĐH, SP Toán	GV THCS Hạng II	B	B1	2025-2026: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2021-2022: HTXSNV	x
67	Dương Thị Vân	16/08/1975	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Trường Yên	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	20 năm 10 tháng	5	5,36	10/07/2023	ĐH, SP Ngữ văn	GV THCS Hạng II	B	B1	2025-2026: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2023-2024: HTTNV 2022-2023: HTXSNV 2021-2022: HTXSNV	x
68	Phạm Như Hội	06//09/1977	Nam	Giáo viên	Trường THCS Trường Yên	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	20 năm 9 tháng	3	4,68	01/04/2026	ĐHSP Lịch sử	GV THCS Hạng II	A , cơ bản	B	2025-2026: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2023-2024: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2021-2022: HTXSNV	x
69	Lã Thị Việt Anh	12/09/1980	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ninh Hòa	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	16 năm 2 tháng	4	5,02	01/12/2024	Đại học, SP Toán	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
70	Nguyễn Thị Thanh Thêu	13/11/1980	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ninh Hòa	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	19 năm 6 tháng	4	5,02	01/06/2024	Đại học, SP Ngữ Văn	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
71	Vũ Hồng Huệ	02/01/1980	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ninh Hòa	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	18 năm 6 tháng	4	5,02	01/06/2024	Đại học, SP Ngữ Văn	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
72	Trịnh Thị Mừng	20/05/1987	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ninh Hòa	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	15 năm 3 tháng	2	4,34	01/01/2026	Đại học, SP GD CD	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTTNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
73	Phạm Thị Kim Thoa	28/10/1978	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ninh Hòa	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	18 năm 4 tháng	3	4,68	01/03/2025	Đại học, SP Ngữ văn	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
74	Đinh Thị Phong Thu	22/09/1977	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ninh Hòa	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	20 năm 10 tháng	5	5,36	01/03/2026	Đại học, Tiếng Anh	GV THCS Hạng II	B	B2	2021-2022: HTTNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
75	Giang Thị Thu Hương	03/09/1977	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ninh Hòa	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	14 năm 1 tháng	5	5,36	01/05/2026	Đại học, SP Toán	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
76	Nguyễn Thị Minh Tâm	18/07/1976	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ninh Hòa	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	20 năm 10 tháng	5	5,36	01/12/2024	Đại học, SP Toán	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
77	Nguyễn Thị Thu Hà	21/11/1980	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ninh Hòa	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	15 năm 4 tháng	3	4,68	01/12/2024	Đại học, SP Địa lý	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
78	Phạm Thị Thùy Dương	05/12/1988	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ninh Giang	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	15 năm 5 tháng	2	4,34	01/10/2025	Đại học, SP Địa lý	GV THCS Hạng II	A	A1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
79	Đỗ Thị Huệ	15/12/1981	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ninh Giang	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	17 năm 5 tháng	3	4,68	03/01/2025	Đại học, SP Sinh	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTTNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
80	Nguyễn Thị Mai	07/11/1973	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ninh Giang	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	22 năm	6	5,70	01/01/2026	Đại học, SP Toán	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
81	Đoàn Thị Thom	30/01/1976	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ninh Giang	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	21 năm 11 tháng	5	5,36	01/06/2025	Đại học, SP Toán	GV THCS Hạng II	A	B1	2021-2022: HTTNV 2022-2023: HTTNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
82	Đinh Thị Xuân	03/02/1981	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ninh Giang	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	17 năm 5 tháng	2	4,34	15/12/2025	Đại học, Giáo dục chính trị	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
83	Nguyễn Thị Nga	11/02/1977	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Gia Sinh	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	19 năm	5	5,36	01/06/2025	Đại học	GV THCS Hạng II	A	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
84	Hà Thị Thanh Hải	08/04/1979	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Gia Sinh	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	17 năm	2	4,34	01/10/2025	Đại học	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
85	Ngô Thị Hồng Nhưng	09/06/1977	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Gia Sinh	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	12 năm 8 tháng	4	5,02	01/11/2023	Đại học, SP Văn	GV THCS Hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
86	Nguyễn Thị Linh	09/5//1980	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Gia Sinh	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	12 năm 2 tháng	1	4,00	09/06/2024	Đại học	GV THCS Hạng II	B	A	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
87	Võ Chí Dũng	20/08/1978	Nam	Giáo viên	Trường THCS Phúc Sơn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	14 năm 5 tháng	4	5,02	01/03/2024	Đại học, SP Toán	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTTNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
88	Vũ Thị Bích Thủy	17/07/1979	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Phúc Sơn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	16 năm 2 tháng	4	5,02	01/04/2024	Đại học, SP Ngữ văn	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
89	Phạm Văn Bình	31/10/1977	Nam	Giáo viên	Trường THCS Phúc Sơn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	17 năm	3	3,48	01/09/2025	Đại học, SP TDTT	GV THCS Hạng II	A	B1	2021-2022: HTTNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
90	Cù Văn Cơ	12/02/1989	Nam	Giáo viên	Trường THCS Phúc Sơn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	12 năm	1	4,00	01/09/2024	Đại học, SP Mỹ thuật	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTTNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
91	Trương Thị Dương	28/12/1980	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Phúc Sơn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	20 năm 10 tháng	4	5,02	01/03/2025	Đại học, SPNgữ văn	GV THCS Hạng II	A		2021-2022: HTTNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
92	Đỗ Thị Mai	13/07/1991	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Phúc Sơn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	11 năm 6 tháng	1	4,00	01/04/2024	Đại học, SP Toán	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
93	Phạm Văn Nhuận	10/05/1977	Nam	Giáo viên	Trường THCS Phúc Sơn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	19 năm 10 tháng	2	4,34	01/09/2024	Đại học, GDTC	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
94	Nguyễn Thị Huệ	19/06/1987	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Phúc Sơn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	11 năm 5 tháng	1	4,00	01/04/2024	Đại học, Kỹ thuật công nghiệp	GV THCS Hạng II	A	B1	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
95	Phạm Thị Lan	15/10/1988	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Phúc Sơn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	14 năm 6 tháng	1	4,00	01/07/2023	Đại học, Vật lý	GV THCS Hạng II	A	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
96	Nguyễn Thị Hồng Na	12/04/1979	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Phúc Sơn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	18 năm 6 tháng	2	4,34	01/01/2026	Đại học, SP KTNN	GV THCS Hạng II	B	B1	2021-2022: HTTNV 2022-2023: HTTNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
A	Thăng hạng từ hạng III lên hạng II																
I	Viên chức quản lý																
1	Nguyễn Thu Hường	24/04/1982	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Trường Yên	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	16 năm	6	3,65	01/03/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II, hạng III	B	B	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
2	Nguyễn Ánh Ngọc Trang	08/04/1992	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Ninh Giang	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	10 năm 8 tháng	4	3,03	01/11/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B2	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
3	Đinh Thế Anh	13/12/1993	Nam	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Ninh Hòa	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	10 năm 6 tháng	3	3	01/02/2025	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II, hạng III	B	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
4	Nguyễn Thị Thập	09/10/1983	Nam	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Ninh Giang	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	17 năm	6	3,99	20/01/2025	Đại học, SP Âm nhạc	giáo viên tiểu học hạng II	B	B2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
5	Mai Thị Nga	26/05/1974	Nam	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Sơn Lai	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	11 năm 9 tháng	9	4,98	01/04/2025	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B1	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
II	Viên chức không giữ chức vụ quản lý																
1	Hoàng Thị Huệ	21/08/1994	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Lai	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	8 năm 4 tháng	3	2,72	01/03/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng III	B	B	2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
2	Nguyễn Thị Huyền Trang	26/06/1994	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Lai	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	7 năm 3 tháng	3	2,72	01/10/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
3	Đào Thị Hạnh	02/10/1990	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Lai	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	13 năm 1 tháng	4	3,03	01/06/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B1	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
4	Nguyễn Thị Nương	06/02/1989	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Lai	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	8 năm 10 tháng	4	3,03	01/10/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
5	Nguyễn Thị Thanh Thúy	09/01/1993	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Lai	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	8 năm 11 tháng	3	2,72	01/08/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng III	B	B	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
6	Mai Thị Hải	10/05/1985	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Lai	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	5 năm 6 tháng	2	2,41	01/01/2026	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng III	B	B	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
7	Nguyễn Thị Lợi	05/10/1986	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Lai	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	7 năm 3 tháng	3	2,72	01/09/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng III	B	B	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
8	Đào Thị Hải	09/07/1994	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Lai	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	8 năm 4 tháng	3	2,72	01/03/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng III	B	B	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
9	Bùi Thị Linh	25/10/1996	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Lai	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	3 năm 1 tháng	1	2,10	01/06/2023	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng III	B	B	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
10	Quách Thị Diệp	03/05/1985	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Hà	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	10 năm	6	3,65	01/07/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng III, hạng II	B	B	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
11	Ninh Thị Ngoan	20/03/1989	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Hà	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	9 năm 10 tháng	4	3,03	01/03/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
12	Tạ Thị Thúy	08/10/1989	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Hà	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	9 năm 4 tháng	3	3,03	01/03/2026	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
13	Bùi Thị Thanh Tâm	14/04/1995	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Hà	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	3 năm 3 tháng	3	2,72	01/09/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng III, hạng II	B	B	2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
14	Hoàng Thị Thanh Thảo	24/04/1982	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Hà	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	3 năm 3 tháng	3	2,72	01/09/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng III, hạng II	B	B	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
15	Hoàng Ngọc Duyên	19/07/1995	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Hà	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	3 năm 3 tháng	3	2,72	01/03/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng III, hạng II	B	B	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
16	Bùi Thu Diệp	12/02/1991	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Hà	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	9 năm 10 tháng	4	3,03	01/09/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng III, hạng II	B	B	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
17	Trương Thị Thu Hiền	08/04/1982	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Hà	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	3 năm 3 tháng	6	3,65	01/04/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng III, hạng II	B	B	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
18	Phan Thị Hải	11/01/1992	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Hà	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	9 năm 10 tháng	4	3,03	01/03/2026	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng II	B	B	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
19	Tổng Thị Liên	29/09/1990	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Hà	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	7 năm 8 tháng	3	2,72	01/1/9/2024	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng III, hạng II	B	B	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
20	Trần Thị Hào	15/10/1995	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Hà	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	3 năm 3 tháng	2	2,41	01/01/2026	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng III, hạng II	B	B	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
21	Vũ Thị Liên	24/04/1997	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Hà	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	3 năm	2	2,41	01/12/2025	Đại học, GDMN	giáo viên mầm non hạng III, hạng II	B	B	2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
22	Nguyễn Thị Thu Anh	09/08/1972	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Hòa	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	20 năm 10 tháng	9	4,98	10/07/2023	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	Bậc 3	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
23	Phạm Thị Bích Lụa	04/01/1974	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Hòa	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	20 năm 10 tháng	9	4,98	01/02/2024	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II, hạng III	B	A	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
24	Bùi Thị Kim Thêu	24/11/1975	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Hòa	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	20 năm 10 tháng	9	4,98	01/02/2026	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng III	A	Bậc 3	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
25	Bùi Thị Hào	11/11/1980	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Hòa	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	9 năm 10 tháng	7	4,32	01/10/2025	Đại học, SP Âm nhạc	giáo viên tiểu học hạng II	B	B1	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
26	Trịnh Thị Ngọc Lan	04/06/1975	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Hòa	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	20 năm 10 tháng	9	4,98	01/08/2025	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng III	A	A	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
27	Nguyễn Thị Nguyên	30/06/1978	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Hòa	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	13 năm 11 tháng	8	4,65	01/10/2024	Đại học, ngôn ngữ Anh	giáo viên tiểu học hạng II, hạng III	B	B2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
28	Hà Thị Xen	20/11/1974	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ninh Hòa	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	20 năm 10 tháng	9	4,98	01/08/2025	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng III	A	B1	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
29	Nguyễn Thị Dung	15/10/1975	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Gia Sinh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	29 năm 5 tháng	9	4,98	01/02/2026	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
30	Mai Thị Thu Hiền	30/01/1975	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Gia Sinh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	29 năm 5 tháng	9	4,98	01/08/2025	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
31	Phạm Thị Mỹ Lệ	14/03/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Gia Sinh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	13 năm 11 tháng	5	3,66	01/02/2024	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B	2023-2024: HTXSNNV 2024-2025: HTXSNNV 2025-2026: HTXSNNV	x
32	Đỗ Thị Chiên	15/10/1978	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Gia Sinh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	26 năm 4 tháng	8	4,65	01/03/2025	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B	2023-2024: HTXSNNV 2024-2025: HTXSNNV 2025-2026: HTXSNNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
33	Trần Thị Thúy Hằng	12/11/1981	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Gia Sinh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	23 năm 2 tháng	7	4,32	01/11/2024	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
34	Đỗ Trường An	02/02/1992	Nam	Giáo viên	Trường Tiểu học Gia Sinh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	11 năm 10 tháng	4	3,33	01/03/2025	Đại học, thể dục thể thao	giáo viên tiểu học hạng II	B	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
35	Nguyễn Thị Thắng	24/11/1977	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Gia Sinh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	14 năm 10 tháng	3	3,00	01/09/2025	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
36	Phạm Thị Hồng	07/09/1990	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Lai	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	12 năm 3 tháng	5	3,66	01/03/2026	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học	B	B2	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
37	Dương Thị Lan	23/01/1986	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Lai	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	9 năm 10 tháng	3	3,00	01/09/2025	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học	B	B2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
38	Trần Thị Diệu Linh	23/08/1993	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Lai	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	10 năm 10 tháng	4	3,33	01/03/2025	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng III	B	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
39	Phan Văn Tài	26/08/1989	Nam	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Lai	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	11 năm 3 tháng	5	3,66	01/04/2026	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học	B	B2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
40	Nguyễn Thị Hồng	20/09/1986	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Lai	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	11 năm 3 tháng	5	3,66	01/04/2026	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
41	Ngô Thị Thiên Lý	18/09/1981	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Lai	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	23 năm 10 tháng	7	4,32	01/03/2024	Đại học, SP Âm nhạc	giáo viên tiểu học hạng II	A	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
42	Nguyễn Thị Thắm	25/07/1989	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Hà	GV Tiểu học hạng II	V.07.03.28	10N5T	3	3,00	01/02/2025	Đại học Sư phạm Tiếng anh	giáo viên tiểu học hạng II	B	B2	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
43	Phạm Thị Hương	12/04/1991	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Lai	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	14 năm 3 tháng	5	3,66	01/04/2026	Đại học, SP Âm nhạc	giáo viên tiểu học hạng II	Ứng dụng CNTTC B	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x
44	Nguyễn Thị Lý	29/02/1992	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Hà	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	13 năm 3 tháng	3	3,00	01/07/2023	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học	B	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x
45	Nguyễn Thị Hương	12/01/1973	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Hà	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	31 năm 1 tháng	9	4,98	01/06/2022	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x
46	Trần Thị Thịnh	15/07/1990	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Hà	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	10 năm 11 tháng	4	3,33	01/08/2024	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng II	B	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Nam /Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật
						Tên chức danh CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ (điền đúng theo bảng chức danh)	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
47	Chu Thị Thanh Thảo	04/07/1992	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Hà	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	11 năm 7 tháng	5	3,66	01/05/2026	Đại học, SP Âm nhạc	giáo viên tiểu học hạng II	B	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
48	Đinh Thị Nhân	02/11/1974	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Hà	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	17 năm	9	4,98	01/01/2024	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng III	B	Bậc 3	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x
49	Lê Xuân Thùy	16/06/1972	Nam	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Hà	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	8 năm	8	4,65	01/11/2023	Đại học, GDTH	giáo viên tiểu học hạng III	B	Bậc 4	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x

Danh sách gồm 154 người